

Thứ năm, ngày 25 tháng 5 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index đảo chiều tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/5/2023		●	
Tuần 22/5-26/5/2023		●	
Tháng 05/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục tích lũy trong vùng 1,060-1,070 và kết phiên tại mốc 1,064.63 điểm, tăng nhẹ gần 3 điểm so với phiên hôm qua. Số mã tăng nhiều hơn số mã giảm, 10/19 ngành tăng điểm, cho thấy dòng tiền vẫn đang có xu hướng luân chuyển giữa các ngành và tập trung vào một số mã nhất định thuộc từng ngành. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Thị trường kỳ vọng sẽ bật tăng sau khi xu hướng tích lũy này kết thúc.

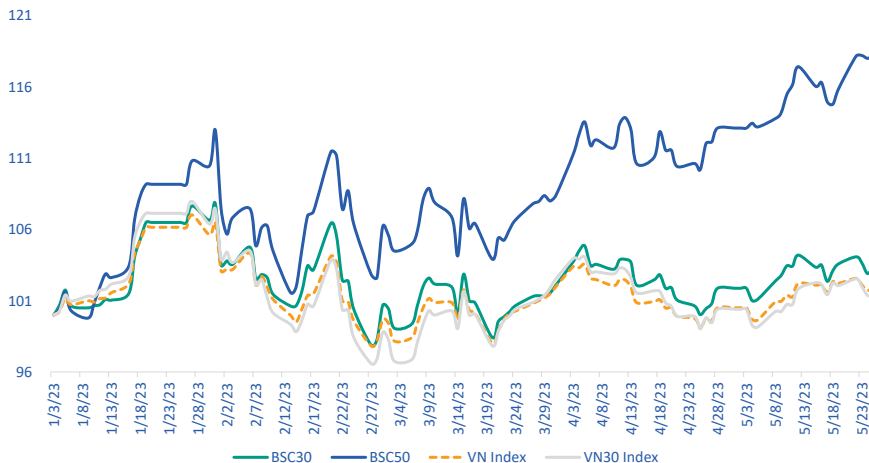
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+2.84** điểm, đóng cửa **1064.63** điểm. HNX-Index **+0.82** điểm, đóng cửa **216.78** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.05)**, **VCB (+0.71)**, **GVR (+0.65)**, **VHM (+0.55)**, **FPT (+0.52)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.34)**, **STB (-0.19)**, **CTG (-0.18)**, **MBB (-0.17)**, **HPG (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,543** tỷ đồng, giảm **-7.17%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,704 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.59 điểm. Thị trường có **172** mã tăng, 48 mã tham chiếu, **216** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-397.74** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-52.16 tỷ)**, **VND (-45.83 tỷ)**, **HSG (-36.68 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.23** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1064.63**

Giá trị: 10543.32 tỷ **2.84 (0.26%)**

Khối ngoại (ròng): -397.74 tỷ

HNX-INDEX **216.78**

Giá trị: 1510.94 tỷ **0.82 (0.38%)**

Khối ngoại (ròng): 9.23 tỷ

UPCOM-INDEX **80.71**

Giá trị: 430.48 tỷ **-0.22 (-0.27%)**

Khối ngoại (ròng): -5.05 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	73.9	-0.65%
Giá vàng	1,964	0.36%
Tỷ giá USD/VND	23,696	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,187	-0.42%
Tỷ giá JPY/VND	16,851	-0.32%
LS liên NH 1 tháng	4.5%	0.00%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	22.37	HPG	-52.16
MSN	11.63	VND	-45.83
BID	11.22	HSG	-36.68
VRE	9.35	FUEVFVND	-33.20
VCB	6.98	VPB	-32.99

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Danh mục BSC30	Trang 5
Danh mục BSC50	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 25/5

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 24/5, dầu thô Brent tăng 1.52 USD tương đương 2% lên 78.36 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.43 USD tương đương 2% lên 74.34 USD/thùng.
 - Giá dầu tăng 2%, sau khi tồn trữ dầu thô của Mỹ bất ngờ giảm mạnh và cảnh báo từ Bộ trưởng Năng lượng Saudi, làm gia tăng triển vọng cắt giảm sản lượng của OPEC+.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.6% xuống 1,962.92 USD/ounce, sau khi tăng 0.5% trong đầu phiên giao dịch và vàng kỳ hạn tháng 6/2023 trên sàn New York giảm 0.5% xuống 1,964.6 USD/ounce.
 - Giá vàng giảm do đồng USD tăng, làm giảm dòng chảy vàng thỏi là tài sản trú ẩn an toàn trước nguy cơ vỡ nợ sắp xảy ra của Mỹ, trong khi các nhà đầu tư đã nắm bắt được biên bản cuộc họp của FED.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2023 trên sàn Đại Liên giảm 4.6% xuống 682.5 CNY (98.74 USD)/tấn – thấp nhất kể từ ngày 5/5/2023 (682 CNY/tấn). Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2023 giảm 3.6% xuống 3,462 CNY/tấn – thấp nhất kể từ ngày 3/11/2022. Giá thép cuộn cán nóng giảm 3.1%, thép cuộn giảm 1.9% và thép không gỉ giảm 0.8%.
 - Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên và Singapore tiếp đà giảm xuống dưới 100 USD/tấn, do giá thép tại Trung Quốc giảm bởi lo ngại về sự phục hồi kinh tế.

Giá nông sản

- Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2023 trên sàn London tăng 16 USD tương đương 0.6% lên 2,573 USD/tấn, sau khi tăng lên mức cao 2,675 USD/tấn trong phiên trước đó.

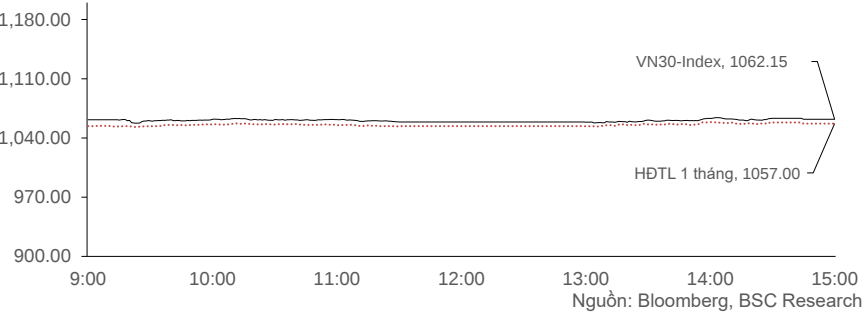
Thị trường chứng khoán thế giới

	25/5	% 25/5	24/5	% 24/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1064.63	0.27%	1061.79	1.37%	-0.34%	1.47%
S&P 500			4115.24	-0.73%	-1.05%	-0.53%
HDTL S&P500	4145.00	0.46%	4126.00	6.26%	-1.59%	1.26%
Shang-hai	3201.26	-0.11%	3204.75	0.81%	-2.91%	-4.92%
Euro Stoxx	4263.20		4263.74	10.11%	-2.39%	-2.62%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1049.00	0.09%	-13.15	275.3%	334	12/21/2023	210
VN30F2307	1054.60	0.23%	-7.55	-17.9%	573	7/20/2023	56
VN30F2306	1057.00	0.09%	-5.15	-10.5%	164,501	6/15/2023	21
VN30F2309	1052.50	0.14%	-9.65	-8.7%	42	9/21/2023	119

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 0.6 điểm lên 1062.15 điểm, biên độ dao động 6.89 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VNM, VHM, VCB, và GAS đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Chỉ số đóng cửa tăng nhẹ so với phiên trước. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2312 tăng, tất cả các hợp đồng còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2306 giảm, tất cả các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2210	8/31/2023	98	10:1	411,700	24.16%	1,300	330	17.86%	168	1.96	29,260	90,000	83,200
CFPT2213	9/5/2023	103	10:1	182,800	24.16%	2,350	1,330	10.83%	954	1.39	94,700	74,500	83,200
CVHM2219	9/5/2023	103	5:1	158,700	39.71%	1,100	1,260	10.53%	758	1.66	24,672	56,000	55,000
CFPT2212	6/6/2023	12	10:1	433,800	24.16%	1,850	1,270	7.63%	1,209	1.05	88,200	70,000	83,200
CVPB2214	9/5/2023	103	4:1	195,200	38.50%	1,650	1,000	5.26%	812	1.23	42,040	17,000	19,200
CVHM2216	8/31/2023	98	8:1	1,168,200	39.71%	1,000	230	4.55%	234	0.985	16,453	62,000	55,000
CMWG2214	9/5/2023	103	10:1	520,600	44.05%	2,500	250	4.17%	119	2.10	20,880	46,500	38,000
CHPG22306	11/9/2023	168	3:1	544,300	48.65%	1,970	1,090	2.83%	1,300	0.84	23,300	20,000	21,200
CVRE2220	9/5/2023	103	4:1	194,000	43.53%	2,500	570	1.79%	442	1.29	34,380	30,000	27,700
CSTB2302	8/7/2023	74	2:1	204,700	49.36%	2,760	810	1.25%	1,232	0.66	54,720	28,200	27,000
CSTB2303	11/9/2023	168	2:1	444,700	49.36%	1,100	3,510	-1.13%	3,720	0.94	50,700	22,000	27,000
CTCB2214	6/6/2023	12	3:1	138,900	44.03%	1,800	960	-2.04%	1,144	0.84	51,200	27,000	29,800
CHPG2226	9/5/2023	103	2:1	417,000	48.65%	1,510	1,810	-2.16%	1,768	1.02	96,000	19,500	21,200
CHPG2227	11/1/2023	160	2:1	182,400	48.65%	1,100	1,910	-3.05%	1,780	1.07	19,589	20,500	21,200
CSTB2224	9/5/2023	103	2:1	159,800	49.36%	1,640	3,970	-3.17%	4,232	0.94	103,200	20,000	27,000
CSTB2225	11/1/2023	160	2:1	515,500	49.36%	2,600	4,060	-4.02%	4,249	0.96	108,400	20,500	27,000
CACB2301	8/7/2023	74	2:1	572,600	35.43%	1,400	220	-4.35%	413	0.53	26,660	27,700	25,100
CACB2208	9/5/2023	103	4:1	233,500	35.43%	1,100	1,250	-6.72%	1,131	1.11	25,900	21,500	25,100
CVRE2216	8/31/2023	98	4:1	479,600	43.53%	1,700	270	-6.90%	354	0.76	31,020	31,000	27,700
CHPG2225	6/6/2023	12	3:1	80,000	48.65%	2,300	1,520	-7.88%	1,574	0.97	98,100	17,000	21,200

Tổng7,238,00041.42%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 21.61%. Giá trị giao dịch tăng 11.9%. CSTB2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.61%.
- CMSN2214, CMWG2213, CACB2301, và CSTB2302 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CSTB2303, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	94.70	2.38	1.05	611300
VCB	93.20	0.65	0.71	606600
GVR	16.75	4.04	0.65	5.28MLN
VHM	55.00	0.92	0.55	1.61MLN
FPT	83.20	2.34	0.52	1.34MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VPB	19.20	-1.03	0	7.30MLN
STB	27.00	-1.46	0	35.28MLN
CTG	27.60	-0.54	0	3.10MLN
MBB	18.45	-0.81	0	4.73MLN
HPG	21.20	-0.47	0	13.26MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

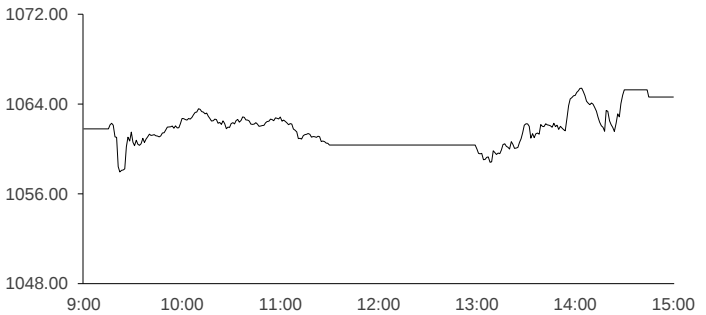
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJS	44.40	6.99	0.08	459900.00
SGR	23.20	6.91	0.02	320500
TMT	20.20	6.88	0.01	55400
EVG	5.44	6.88	0.02	10.44MLN
HU1	6.84	6.88	0.00	900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	19.20	-1.03	-0.34	7.30MLN
STB	27.00	-1.46	-0.19	35.28MLN
CTG	27.60	-0.54	-0.18	3.10MLN
MBB	18.45	-0.81	-0.17	4.73MLN
HPG	21.20	-0.47	-0.15	13.26MLN

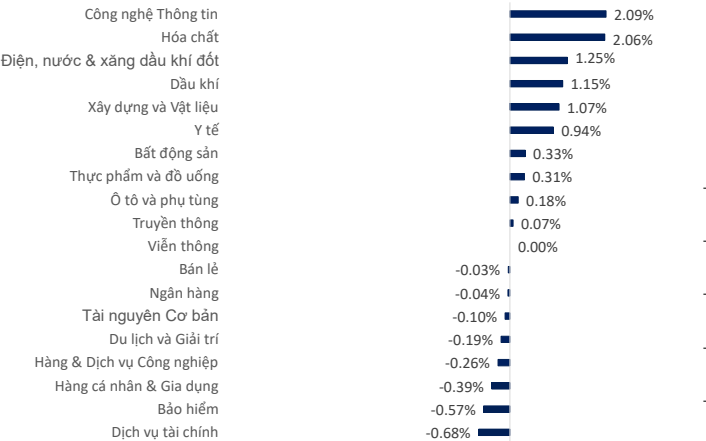
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	41.30	4.56	0.68	7.80MLN
PVS	30.40	3.05	0.35	8.69MLN
HUT	17.80	2.89	0.27	3.55MLN
VCS	54.80	6.41	0.17	359000.00
PVC	18.00	4.05	0.04	2.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	25.40	-1.93	-0.16	6.22MLN
SHS	11.00	-0.90	-0.13	11.54MLN
THD	39.80	-0.50	-0.12	9300
APS	14.80	-3.27	-0.06	2.09MLN
DNP	23.20	-1.69	-0.05	900

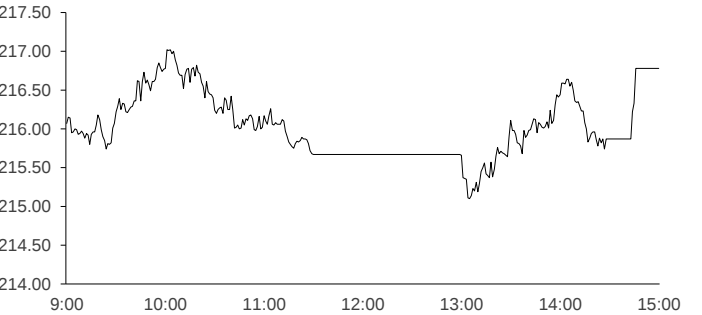
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVB	17.80	9.9	0.03	821500
HTC	22.50	9.8	0.02	800
HJS	36.10	9.7	0.02	1600
X20	9.20	9.5	0.01	100
SAF	57.40	9.3	0.02	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

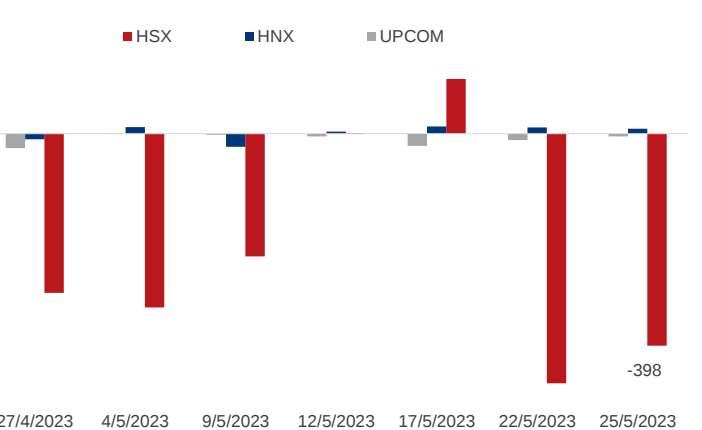
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGC	67.50	-10.00	-0.02	1000
CJC	21.90	-9.88	0.00	100
VLA	45.40	-9.74	-0.01	600
L40	19.50	-9.72	0.00	1100
MED	22.50	-9.64	-0.02	300

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

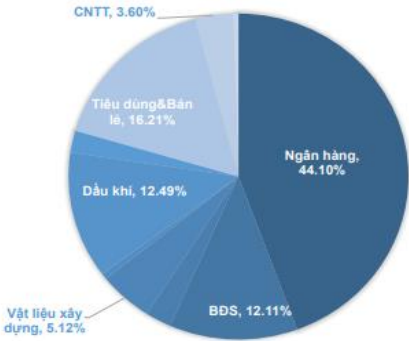
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	93.2	0.6%	0.9	19,177	2.4	7,311	12.7	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	43.8	0.6%	1.0	9,622	1.2	4,208	10.4	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	-1.0%	1.2	5,604	6.1	3,972	4.8	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	29.8	0.0%	1.4	4,557	3.3	14,982	2.0		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.5	-0.8%	1.4	3,637	3.8	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	27.0	-1.5%	1.3	2,213	41.6	4,640	5.8	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	16.8	4.0%	1.1	2,913	3.8	4,603	3.6	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	26.7	0.6%	1.7	891	8.7	4,880	5.5	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	41.3	4.6%	1.7	593	13.9			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	37.0	1.4%	1.6	721	1.2	1,217	30.4		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.2	-0.5%	1.0	5,360	12.3	1,916	11.1	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55.0	0.9%	0.9	10,413	3.9	1,896	29.0	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	27.7	0.2%	1.2	2,737	1.6	5,227	5.3	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	29.4	0.5%	0.4	916	2.3	1,576	18.7	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	31.3	-2.6%	1.5	523	3.2	2,557	12.2	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	50.7	-0.2%	1.5	837	3.0	14,120	3.6	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	31.2	-0.3%	1.3	531	2.4	6,793	4.6	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	23.4	-0.6%	0.8	539	1.9	2,625	8.9	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	94.7	2.4%	0.8	7,880	2.5	2,292	41.3	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	37.4	0.1%	1.1	2,063	0.6	1,340	27.9	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	30.4	3.1%	1.3	632	11.3	993	30.6	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.0	2.4%	1.6	579	10.3	7,698	3.1	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.5	-0.4%	1.2	1,369	3.4	3,895	3.5	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	67.1	1.2%	1.2	6,097	3.8	2,605	25.8	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	72.0	0.3%	1.1	4,457	2.3	3,456	20.8	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	38.0	0.1%	1.3	2,418	2.4	7,475	5.1	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	71.2	-0.4%	0.7	1,015	1.2	2,965	24.0	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	57.0	-0.5%	1.2	454	0.9	12,800	4.5	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	49.8	-0.8%	0.7	653	0.4	7,059	7.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	83.2	2.3%	0.8	3,995	4.8	5,901	14.1	91,900	49.0%	Link

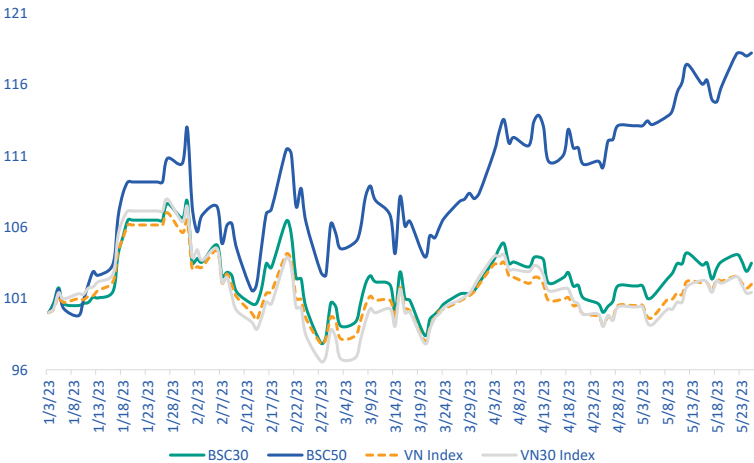
Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.56%	0.18%	0.27%	0.06%
1 tuần	0.34%	2.98%	-0.34%	-0.80%
1 tháng	3.45%	7.28%	2.88%	2.42%
3 tháng	5.72%	14.95%	4.25%	5.01%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	27.6	-0.5%	1.2	5,767	3.7	3,520	7.8	1.2	27.6%	16.1%
ACB	Ngân hàng	25.1	-0.2%	1.1	3,686	9.6	4,304	5.8	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	19.5	0.0%	0.9	2,133	1.4	3,149	6.2	1.3	19.6%	22.6%
LPB	Ngân hàng	14.0	0.4%	1.5	1,049	3.0	2,732	5.1	1.0	4.4%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.9	-0.5%	1.3	1,915	3.0	4,163	5.0	1.4	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	15.9	-1.6%	2.1	839	18.6	489	32.4	1.3		4.8%
TPB	Ngân hàng	23.4	-0.4%	1.1	1,609	1.0	4,030	5.8	1.1	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	22.5	-0.9%	1.7	1,467	15.4	1,120	20.1	1.5		7.9%
CII	Xây dựng	16.8	0.6%	1.8	184	8.3	218	77.0	0.8	10.3%	1.0%
C4G	Xây dựng	13.2	0.0%	2.1	209	1.5	791	16.7	1.2	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	64.0	-1.2%	1.9	206	0.9	184	347.9	0.6	48.5%	0.2%
HHV	Xây dựng	14.3	2.5%	1.7	191	7.9	966	14.8	0.6	2.0%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.3	-0.7%	2.1	109	6.4	781	17.0	1.0	3.5%	5.9%
BCM	KCN	77.4	0.5%	0.9	3,483	0.1	1,170	66.1	4.7	2.8%	8.1%
HUT	KCN	17.8	2.9%	1.5	270	2.7	162	110.0	1.6	1.9%	1.4%
PHR	KCN	45.9	5.4%	1.4	270	3.6	6,039	7.6	1.8	15.4%	24.1%
SZC	KCN	34.4	2.8%	1.8	149	2.5	1,323	26.0	2.2	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	15.5	-0.6%	2.1	403	9.2	(1,754)		0.9	17.0%	-9.6%
HT1	Vật liệu	14.4	0.7%	1.5	238	0.5	386	37.2	1.1	3.4%	2.9%
NKG	Vật liệu	14.9	0.3%	2.3	170	2.6	(2,586)		0.7	11.6%	-11.8%
PTB	Vật liệu	44.4	-0.9%	1.0	131	0.2	6,017	7.4	1.1	13.8%	19.5%
KSB	Vật liệu	26.6	0.6%	1.7	88	3.3	1,393	19.1	1.0	4.4%	5.6%
NVL	BDS	13.2	-0.4%	1.0	1,119	4.9	362	36.4	0.7	5.9%	1.9%
DXG	BDS	13.9	-1.8%	2.2	369	7.7	(240)		0.9	20.0%	-1.6%
HDC	BDS	34.3	0.0%	1.4	161	1.0	3,157	10.9	2.0	1.7%	20.9%
DIG	BDS	20.6	-1.4%	2.5	545	18.9	262	78.5	1.8	5.5%	2.1%
IJC	BDS	14.3	1.1%	2.1	157	2.6	1,662	8.6	0.9	5.9%	11.2%
BSR	Dầu khí	16.6	0.6%	1.6	2,238	3.9	4,750	3.5	1.0	41.1%	33.2%
PVT	Dầu khí	21.1	1.7%	1.3	296	4.5	2,740	7.7	1.1	15.8%	15.4%
PLC	Săm lốp	37.1	1.6%	1.8	130	0.9	1,355	27.4	2.4	1.1%	8.2%
DRC	Tiện ích	21.3	0.7%	1.3	110	0.2	2,246	9.5	1.3	8.8%	14.4%
REE	Tiện ích	61.0	-1.0%	0.8	1,084	1.4	6,714	9.1	1.6	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	14.4	1.4%	1.8	531	5.4	10	1437.0	1.0	12.0%	0.1%
NT2	Tiện ích	32.9	0.3%	0.8	412	0.8	3,245	10.1	2.1	16.0%	20.9%
HDG	Tiện ích	34.2	-1.0%	1.5	363	1.6	4,718	7.2	1.5	21.6%	22.6%
PC1	Tiện ích	28.7	-0.7%	1.3	337	1.4	1,257	22.8	1.5	8.0%	6.8%
GEG	Tiện ích	16.4	1.6%	1.1	229	1.0	956	17.1	1.7	46.5%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.2	3.0%	2.1	213	4.4	220	41.6	0.7	1.8%	1.5%
SAB	Bán lẻ	158.0	-0.3%	0.2	4,405	0.7	7,649	20.7	4.2	62.5%	22.1%
QNS	Bán lẻ	43.5	-1.1%	0.5	675	0.7	4,226	10.3	1.8	19.1%	17.5%
FRT	Bán lẻ	62.8	0.0%	1.4	323	1.2	1,863	33.7	3.7	29.5%	11.5%
DGW	Bán lẻ	32.9	-1.4%	1.7	239	2.2	3,397	9.7	2.2	22.2%	24.7%
DBC	Bán lẻ	18.9	-1.8%	2.0	198	4.3	(1,339)		1.1	6.1%	-7.2%
PET	Bán lẻ	24.5	0.8%	2.4	105	0.5	1,026	23.8			4.3%
BAF	Bán lẻ	23.7	-1.3%		148	2.6	1,409	16.8	1.8	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	32.0	-0.9%	1.6	185	1.2	4,368	7.3	1.4	6.1%	20.1%
VSC	Logistics	28.7	-0.3%	0.5	151	0.4	2,087	13.7	1.3	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	39.5	1.0%	1.1	121	1.3	9,072	4.4	1.2	8.3%	34.4%
CTR	Công nghệ	71.4	1.0%	1.3	355	0.6	4,040	17.7	4.7	10.8%	29.3%
TNG	Dệt may	19.3	-1.0%	1.8	88	1.1	2,879	6.7	1.2	15.9%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
22	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
24	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
26	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
27	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
29	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
30	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
33	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
36	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
39	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
42	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
43	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639